

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

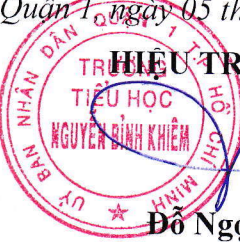
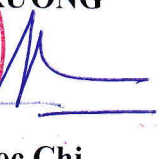
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN BÌNH KHIÊM

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của Trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm
Năm học 2022-2023

ST T	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp Một	Lớp Hai	Lớp Ba	Lớp Bốn	Lớp Năm
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ sinh năm 2016	Trẻ sinh năm 2015	Trẻ sinh năm 2014	Trẻ sinh năm 2013	Trẻ sinh năm 2012
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	CT giáo dục tiểu học của BGD&ĐT	CT giáo dục tiểu học của BGD&ĐT	CT giáo dục tiểu học của BGD&ĐT	CT giáo dục tiểu học của BGD&ĐT	CT giáo dục tiểu học của BGD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	CMHS Quan tâm, phối hợp với nhà trường Chăm chỉ, ngoan ngoãn, chủ động, sáng tạo trong học tập.	CMHS Quan tâm, phối hợp với nhà trường Chăm chỉ, ngoan ngoãn, chủ động, sáng tạo trong học tập.	CMHS Quan tâm, phối hợp với nhà trường Chăm chỉ, ngoan ngoãn, chủ động, sáng tạo trong học tập.	CMHS Quan tâm, phối hợp với nhà trường Chăm chỉ, ngoan ngoãn, chủ động, sáng tạo trong học tập.	CMHS Quan tâm, phối hợp với nhà trường Chăm chỉ, ngoan ngoãn, chủ động, sáng tạo trong học tập.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Buổi hai, bồi dưỡng, phụ đạo, các hoạt động ngoại khóa, CLB.	Buổi hai, bồi dưỡng, phụ đạo, các hoạt động ngoại khóa, CLB.	Buổi hai, bồi dưỡng, phụ đạo, các hoạt động ngoại khóa, CLB.	Buổi hai, bồi dưỡng, phụ đạo, các hoạt động ngoại khóa, CLB.	Buổi hai, bồi dưỡng, phụ đạo, các hoạt động ngoại khóa, CLB.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Phẩm chất: 100% Tốt Năng lực: Trên 95% Tốt Học tập: Trên 90% HTT Sức khỏe: 100% Tốt	Phẩm chất: 100% Tốt Năng lực: Trên 95% Tốt Học tập: Trên 90% HTT Sức khỏe: 100% Tốt	Phẩm chất: 100% Tốt Năng lực: Trên 95% Tốt Học tập: Trên 90% HTT Sức khỏe: 100% Tốt	Phẩm chất: 100% Tốt Năng lực: Trên 95% Tốt Học tập: Trên 90% HTT Sức khỏe: 100% Tốt	Phẩm chất: 100% Tốt Năng lực: Trên 95% Tốt Học tập: Trên 90% HTT Sức khỏe: 100% Tốt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ khả năng học lớp trên	Đủ khả năng học lớp trên	Đủ khả năng học lớp trên	Đủ khả năng học lớp trên	Đủ khả năng học lớp trên

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022


HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Ngọc Chi

BIỂU MẪU 06

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN BÌNH KHIÊM**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1477	263	280	313	274	347
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1477	263	280	313	274	347
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất 2021-2022						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	594	278	316			
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0					
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	01	01				
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1548 99,94%	279 100%	315 99,7%	280 100%	350 100%	324 100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	1548 99,94%	279 100%	315 99,7%	280 100%	350 100%	324 100%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						

2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,06%	01 0,06%			
---	-------------------------------------	-------------	-------------	--	--	--

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Ngọc Chi

BIỂU MẪU 07

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN BÌNH KHIÊM**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	41	-
1	Phòng học kiên cố	41	-
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ, mượn	/	-
III	Số điểm trường lẻ	01	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	4321	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2452	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1984	
2	Diện tích thư viện (m ²)	100	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	50	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	256	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	144	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	104	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	8 bộ	
1.2	Khối lớp 2	8 bộ	
1.3	Khối lớp 3	9 bộ	
1.4	Khối lớp 4	7 bộ	
1.5	Khối lớp 5	8 bộ	



2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	/	
2.2	Khối lớp 2	/	
2.3	Khối lớp 3	/	
2.4	Khối lớp 4	/	
2.5	Khối lớp 5	/	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		01 bộ/ 1 lớp
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	128m2
XI	Nhà ăn	128m2

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	1984m2	1256	1,3m2
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	24m2		448m2		0,29m2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận Long ngày 05 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Ngọc Chi



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN BÌNH KHIÊM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	61		04	56	01			17	07	31			
I	Giáo viên	55		03	51	01			17	07	29			
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	0												
1	Tiếng dân tộc	0												
2	Ngoại ngữ	09		01	08				01		08			
3	Tin học	03		01	02				01	01	01			
4	Âm nhạc	01			01					01				
5	Mỹ thuật – Kỹ thuật	01			01				01					
6	Thể dục	03			02	01			01	01	01			
II	Cán bộ quản lý													
1	Hiệu trưởng	01	01											
2	Phó hiệu trưởng	01			01									
III	Nhân viên													
1	Nhân viên văn thư	01												
2	Nhân viên kế toán	01			01									
3	Thủ quỹ	01			01									
4	Nhân viên y tế													
5	Nhân viên thư viện	01			01									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm													
7	Nhân viên khác													

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
 Đỗ Ngọc Chi